

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - A
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 12-8-2025

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Đình Phương.

2. Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hoài Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân – gia đình thụ lý số 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Hồng T** – Sinh năm: 29/10/1992; nơi cư trú: Thôn B, xã C, thị xã E, tỉnh F (cũ) (nay là thôn B, phường G, tỉnh A) (có mặt).

CCCD số: 052192001302; ngày cấp: 13/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn M** – Sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện L, tỉnh F (cũ) (nay là thôn H, xã X, tỉnh A) (vắng mặt lần thứ hai).

CCCD số: 052088001073; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh F (nay là Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh A).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2025 và các lời khai, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T yêu cầu:

1.1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn M tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh F (nay là Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh A) vào ngày 18/4/2011. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến đầu tháng 3 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh M không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa anh M có hành vi bạo lực gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ cuối tháng 8 năm 2025, chị T về nhà cha, mẹ chị ở xã C (nay là phường E Bắc) sinh sống, và cũng từ đó, chị T và anh M không sống chung như vợ chồng cho đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

1.2. Về con chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Lê Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn M: Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cũng như các thông báo hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn M cố tình lẩn tránh từ chối khai báo.

Bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - A tại phiên tòa hôm nay đã nêu rõ trình tự thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử đúng theo quy định pháp luật.

* Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Hồng T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Hồng T không yêu cầu, anh Nguyễn Văn M cố tình lẩn tránh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí HNST: Chị Lê Thị Hồng T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh M vẫn cố tình vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn M tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh F (nay là Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh A) vào ngày 18/4/2011. Hôn nhân của chị T và anh M là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến đầu tháng 3 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh M không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa anh Minh có hành vi bạo lực gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ cuối tháng 8 năm 2025, chị T về nhà cha, mẹ chị ở xã C (nay là phường E Bắc) sinh sống, và cũng từ đó, chị T và anh M không sống chung như vợ chồng cho đến nay. Ngày 12 tháng 3 năm 2025, chị Lê Thị Hồng T làm đơn khởi kiện về việc ly hôn gửi đến Tòa án. Quá trình Tòa giải quyết, anh Nguyễn Văn M cố tình lẩn tránh, tại phiên tòa hôm nay anh M cũng cố tình lẩn tránh nên Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh M. Tòa xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn M đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng T là phù hợp với các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Hồng T không yêu cầu, anh Nguyễn Văn M cố tình lẩn tránh không ý kiến nên Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh M nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Hồng T không yêu cầu, anh Nguyễn Văn M cố tình lẩn tránh không ý kiến nên Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh M nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí HNST: Chị Lê Thị Hồng T phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh F phát biểu quan điểm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí HNST: Chị Lê Thị Hồng T phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước, chị Trang đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005384 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh F (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - A), nay được khấu trừ.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh A;
- VKSND khu vực 3 - A;
- Phòng THADS Khu vực 3 - A;
- UBND xã X, tỉnh A;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Văn Đức